TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 209/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2020.
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông: Lý Văn Hùng.

2. Bà: Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 18/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 533/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2020 về việc "*Ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 112/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2020, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 15/86, đường Hòa Bình, Phường 03, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1980;

Địa chỉ: đường A, phường B, quận Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh.
(Bà T, ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 03/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim T, trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn L chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn cùng năm 2004 tại Ủy ban nhân dân Phường 03, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo bà T trình bày là do cuộc sống vợ chồng

không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên bà và ông L đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Tấn L, từ khi Tòa án thụ lý cho đến nay, ông không đến tòa theo giấy triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án*,

Bà Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn với ông Nguyễn Tấn L. Ông L hiện đang cư trú tại khu vực a, thị trấn B, Đức Hòa, Long An. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Tấn L vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về nội dung*,

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Tấn L chung sống với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Bà T xin xét xử vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo thì bà T cương quyết xin ly hôn vì cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay mà ông L không có biện pháp gì để hàn gắn, đoàn tụ. Đối với ông L, cũng không đến tòa, không có ý kiến gì phản hồi việc bà T xin ly hôn.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin ly hôn là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung*, tài sản chung và nợ; Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Tấn L không có ý kiến phản hồi gì về việc quá trình chung sống giữa ông và bà T có tài sản chung hoặc có nợ ai hay không nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp, ông L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

[3.] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 146, 222, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Tấn L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005444 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hoà;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Hựu Thạnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương